

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TUY HÒA  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/KDTM-ST  
Ngày: 21/02/2025  
V/v “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng  
và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do  
người chết để lại”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Hoa Dung

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phan Thị Oanh và bà Lê Thị Đông Nguyệt

**- Thư ký phiên tòa:** Lê Vũ Trang Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa:**  
Ông Cao Tấn Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2024/TLST-KDTM ngày 25 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ dân sự do người chết để lại” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 186/2024/QĐXX-ST ngày 17 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-KDTM ngày 07/01/2025 và Thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 01/2025/TB-TA ngày 20/01/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S (viết tắt: Ngân hàng). Địa chỉ: 2 N, phường V, quận C, thành phố Hồ Chí Minh. Do bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ Tổng giám đốc làm đại diện theo pháp luật. Ủy quyền cho ông Nguyễn Tấn L, chức vụ Phó giám đốc chi nhánh P kiêm Trưởng phòng giao dịch Trần Hưng Đ. Theo giấy ủy quyền số 4039/2024/QĐ-PC ngày 27/12/2024 của Tổng Giám Đốc. Ông Nguyễn Tấn L ủy quyền lại cho ông Nguyễn Minh T, chức vụ Chuyên viên khách hàng. Theo giấy ủy quyền số 09/2024/GUQ-PGDTHD ngày 01/10/2024. Địa chỉ: 3 T, phường A, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Ông T có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn H, sinh năm 1975 và bà Đỗ Thị N (mất). Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Ông H có mặt.

-Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Đỗ Thị N: ông Đỗ Ngọc Á, sinh năm 1946 và bà Võ Thị H1, sinh năm 1955. Địa chỉ; Thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

-Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 2007. Người giám hộ là ông Nguyễn Tấn H (cha ruột), Nguyễn Thị D1, sinh năm 1997, Nguyễn Tấn H, sinh năm 1975. Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Bà H2 xin vắng mặt; Ông H, bà D1 có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đỗ Ngọc Á, sinh năm 1946 và bà Võ Thị H1, sinh năm 1955. Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 2007. Người giám hộ là ông Nguyễn Tấn H (cha ruột), Nguyễn Thị D1, sinh năm 1997, Nguyễn Tấn H, sinh năm 1975. Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Bà H2 xin vắng mặt; Ông H, bà D1 có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*-Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa: Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:* Ngày 24/11/2020, bị đơn ông Nguyễn Tấn H và bà Đỗ Thị N và Ngân hàng TMCP S có ký kết Hợp đồng tín dụng số 202025876780 ngày 24/11/2020 và Giấy nhận nợ số 01-LD 2032900429 ngày 24/11/2020. Ngân hàng cho bị đơn vay số tiền 350.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng, hạn trả nợ ngày 24/11/2025, lãi suất cho vay trong hạn là 11%/năm 03 tháng đầu tiên kể từ tháng 4 điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn nhằm bổ sung vốn kinh doanh mua bán lúa gạo. Tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 917, tờ bản đồ số 19 (đo đạc năm 2016). Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 381439, số vào sổ cấp GCN: CS 00105 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh P cấp ngày 05/5/2020 cho bà Nguyễn Thị T1 tặng cho ông Nguyễn Tấn H và bà Đỗ Thị N. Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Theo hồ sơ số 021452.TA.001. Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện P xác nhận ngày 19/5/2020. Tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 142/TC-20 ngày 09/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S chi nhánh P- Phòng giao dịch T và bị đơn ông Nguyễn Tấn H, bà Đỗ Thị N.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Tính đến ngày 21/02/2025, dư nợ của bị đơn theo Hợp đồng tín dụng tổng cộng là 130.738.721 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 116.680.000 đồng, lãi 14.058.721 đồng). Hiện bị đơn bà Đỗ Thị N đã chết vào năm 2021 nhưng vẫn chưa trả số nợ trên nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Toà án buộc bị đơn ông Nguyễn Tấn H trả nợ và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bị đơn bà N gồm ông

Nguyễn Tấn H và các con là chị Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị D1 và cha mẹ ruột của bà N là ông Đỗ Ngọc Á, bà Võ Thị H1 phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng số tiền còn nợ trên tính đến ngày 21/02/2025 và kể từ ngày 22/02/2025 còn phải tiếp tục trả lãi trên nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp bị đơn ông Nguyễn Tấn H và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bị đơn bà N không trả hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 142/TC-20 ngày 09/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S chi nhánh P- Phòng giao dịch T và bị đơn ông Nguyễn Tấn H, bà Đỗ Thị N để thu hồi nợ.

Tiếp đến ngày 17/4/2023, ông Nguyễn Tấn H có Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 2675701, tài khoản thẻ 3829730831 với số tiền 100.000.000đ, lãi suất tại thời điểm làm thẻ 26,6%/năm được tính theo Biểu phí lãi suất do Ngân hàng công bố trong từng thời kỳ và lãi suất quá hạn tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn, mục đích tiêu dùng cá nhân. Trong quá trình sử dụng thẻ, do bị đơn ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển sang nợ quá hạn. Ông H đã thanh toán được 40.000.000 đồng. Tính đến ngày 21/02/2025, bị đơn ông H còn nợ Ngân hàng tổng cộng **132.824.600 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 75.896.457 đồng, nợ lãi là 56.928.143 đồng)**. Do đó, Ngân hàng khởi kiện buộc bị đơn ông H có nghĩa vụ thanh toán đối với khoản nợ thẻ nêu trên.

*Quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Tấn H và Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Đỗ Thị N đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:* Thống nhất lời trình bày của đại diện nguyên đơn về quá trình vay vốn và trả nợ vay. Nhưng đến năm 2021 thì bà N mất nên gia đình khó khăn và cũng không còn khả năng trả nợ, mong Ngân hàng xem xét giảm lãi. Trong trường hợp không thanh toán được thống nhất đồng ý phát mãi tài sản để trả nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, 466, 292, 293, 295, 298, 299, 650, 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 188 Luật đất đai. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Nguyễn Tấn H; Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Đỗ Thị N là ông Nguyễn Tấn H, ông Đỗ Ngọc Á, bà Võ Thị H1, bà Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị D1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay còn nợ cho Ngân hàng TMCP S tính đến ngày 21/02/2025, tổng cộng là 130.738.721 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 116.680.000 đồng, lãi 14.058.721 đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 202025876780 ngày 24/11/2020 và Giấy nhận nợ số 01-LD 2032900429 ngày 24/11/2020 và kể từ ngày 22/02/2025 còn phải tiếp tục trả lãi trên

nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 202025876780 ngày 24/11/2020 và Giấy nhận nợ số 01-LD 2032900429 ngày 24/11/2020 cho đến khi trả hết nợ trong phạm vi di sản do bà Đỗ Thị N chết để lại. Trường hợp bị đơn ông H và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bị đơn bà Đỗ Thị N không trả hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 142/TC-20 ngày 09/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản được ký kết giữa các bên để thu hồi nợ trong phạm vi di sản do bà Đỗ Thị N chết để lại.

Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn ông Nguyễn Tấn H trả cho Ngân hàng TMCP S đối với hợp đồng số 2675701, tài khoản thẻ 3829730831 tổng cộng **132.824.600 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 75.896.457 đồng, nợ lãi là 56.928.143 đồng).**

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hợp đồng tín dụng giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh và cá nhân và đều có mục đích lợi nhuận là tranh chấp về kinh doanh thương mại, yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Tấn H và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Đỗ Thị N phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay do bị đơn bà Đỗ Thị N chết để lại nên xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại” theo quy định tại Điều 26, Điều 30 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Các bên thống nhất lựa chọn TAND nơi có trụ sở chi nhánh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về giải quyết vắng mặt của đương sự: Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa đã tiến hành triệu tập hợp lệ những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Đỗ Thị N là ông Đỗ Ngọc A, bà Võ Thị H1, bà Nguyễn Thị H2 để xét xử nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về hiệu lực của Hợp đồng: Ngày 24/11/2020, bị đơn ông Nguyễn Tấn H và bà Đỗ Thị N và Ngân hàng TMCP S có ký kết Hợp đồng tín dụng số 202025876780 ngày 24/11/2020 và Giấy nhận nợ số 01-LD 2032900429 ngày 24/11/2020. Ngân hàng cho bị đơn vay số tiền 350.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng, hạn trả nợ ngày 24/11/2025, lãi suất cho vay trong hạn là 11%/năm, 03 tháng đầu tiên kể từ tháng 4 điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần, lãi suất quá hạn là 150%

lãi suất cho vay trong hạn nhằm bổ sung vốn kinh doanh mua bán lúa gạo. Hợp đồng có nội dung và hình thức phù hợp với quy định pháp luật, là hợp đồng hợp pháp nên có hiệu lực thi hành.

[2.2] Tại Giấy trích lục khai tử số 142/2021/TLKT ngày 08/12/2021 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên và Biên bản xác minh tại Công an xã H cung cấp: Bà Đỗ Thị N chết vào ngày 30/11/2021. Hàng thừa kế thứ nhất của bà Đỗ Thị N có chồng ông Nguyễn Tấn H, cha ruột tên ông Đỗ Ngọc Á, mẹ ruột là Võ Thị H1 và 02 con Nguyễn Thị D1, Nguyễn Thị H2.

[2.3] Do bị đơn ông Nguyễn Tấn H vẫn chưa trả nợ, bà Đỗ Thị N đã chết nhưng vẫn chưa trả số nợ trên cho Ngân hàng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Nguyễn Tấn H và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bị đơn bà Đỗ Thị N gồm Nguyễn Tấn H, cha ruột tên ông Đỗ Ngọc Á, mẹ ruột là Võ Thị H1 và 02 con Nguyễn Thị D1, Nguyễn Thị H2 phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 202025876780 ngày 24/11/2020 và Giấy nhận nợ số 01-LD 2032900429 ngày 24/11/2020, tính đến ngày 21/02/2025 tổng cộng là 130.738.721 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 116.680.000 đồng, lãi 14.058.721 đồng) và kể từ ngày 22/02/2025 còn phải tiếp tục trả lãi trên nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 202025876780 ngày 24/11/2020 và Giấy nhận nợ số 01-LD 2032900429 ngày 24/11/2020.

Theo quy định tại Điều 614 của Bộ luật Dân sự “*Kể từ thời điểm mở thừa kế, những người thừa kế có các quyền, nghĩa vụ tài sản do người chết để lại*” và theo quy định tại khoản 1 Điều 615 của Bộ luật Dân sự về thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại thì “*Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự thì ông Nguyễn Tấn H, ông Đỗ Ngọc Á, bà Võ Thị H1, bà Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị D1 là những người thừa kế theo pháp luật thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bị đơn bà Đỗ Thị N nên có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản của bị đơn bà Đỗ Thị N trong phạm vi di sản mà bị đơn bà N chết để lại. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Nguyễn Tấn H và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Đỗ Thị N là những người thừa kế theo pháp luật thuộc hàng thừa kế thứ nhất phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 21/02/2025 tổng cộng là 130.738.721 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 116.680.000 đồng, lãi 14.058.721 đồng) và kể từ ngày 22/02/2025 còn phải tiếp tục trả lãi trên nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 202025876780 ngày 24/11/2020 và Giấy nhận nợ số 01-LD 2032900429 ngày 24/11/2020 cho đến khi trả hết nợ. Những người thừa kế theo pháp luật thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Đỗ Thị N gồm ông Nguyễn Tấn H, ông Đỗ Ngọc Á, bà Võ Thị H1, chị Nguyễn Thị D1, chị Nguyễn Thị H2 có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP S trong phạm vi di sản do bà Đỗ Thị N chết để lại.

[2.4] Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm, xét thấy: Việc thế chấp tài sản để đảm bảo cho khoản vay của bị đơn tại Ngân hàng TMCP S được lập thành văn bản và có đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định tại các Điều 297, 298, 317, 318, 319 của Bộ luật Dân sự, các bên không ai có ý kiến gì nên Hợp đồng thế chấp bất động sản số 142/TC-20 ngày 09/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S chi nhánh P- Phòng giao dịch T và bị đơn ông Nguyễn Tấn H, bà Đỗ Thị N và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản được ký kết giữa các bên phát sinh hiệu lực nên buộc các bên phải thi hành. Do đó, trường hợp bị đơn ông H và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà N không trả hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 142/TC-20 ngày 09/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S chi nhánh P- Phòng giao dịch T và bị đơn ông Nguyễn Tấn H, bà Đỗ Thị N để thu hồi nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 299, khoản 7 Điều 323 và Điều 368 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Ngày 17/4/2023, ông Nguyễn Tấn H có Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 2675701, tài khoản thẻ 3829730831 với số tiền 100.000.000đ, lãi suất tại thời điểm làm thẻ 26,6%/năm được tính theo Biểu phí lãi suất do Ngân hàng công bố trong từng thời kỳ và lãi suất quá hạn tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn, mục đích tiêu dùng cá nhân. Trong quá trình sử dụng thẻ, do bị đơn ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển sang nợ quá hạn. Ông H đã thanh toán 40.000.000 đồng. Tính đến ngày 21/02/2025, bị đơn ông H còn nợ Ngân hàng tổng cộng **132.824.600 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 75.896.457 đồng, nợ lãi là 56.928.143 đồng)**. Tại Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S, các bên thoả thuận: Chủ thẻ phải theo dõi và thực hiện các biện pháp cần thiết để dư nợ của mình không vượt quá hạn mức được phê duyệt vào bất cứ thời điểm nào. Chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán đối với tất cả các giao dịch và tiền phí phát sinh do vượt hạn mức. **Do đó, Ngân hàng khởi kiện buộc bị đơn ông Nguyễn Tấn H có nghĩa vụ thanh toán đối với khoản nợ thẻ nêu trên là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật.**

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Căn cứ Điều 157 của Bộ luật tố tụng Dân sự, bị đơn ông Nguyễn Tấn H tự nguyện chịu số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng và phải có trách nhiệm hoàn trả cho nguyên đơn.

[5] Về án phí: Bị đơn ông Nguyễn Tấn H phải chịu án phí KDTM-ST. Còn những Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Đỗ Thị N là gồm ông Nguyễn Tấn H, ông Đỗ Ngọc A, bà Võ Thị H1 và 02 con Nguyễn Thị D1, Nguyễn Thị H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong phạm vi di sản do bị đơn bà Đỗ Thị N chết để lại. Do ông Đỗ Ngọc A, bà Võ Thị H1 là người cao tuổi nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng

án phí và lệ phí Tòa án nên được miễn án phí. Bị đơn ông Nguyễn Tấn H tự nguyện chịu phần án phí của bà Nguyễn Thị D1, bà Nguyễn Thị H2 nên HĐXX ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 52, 297, 298, 299, 317, 318, 319, 323, 368, 463, 466, 468, 614, 615, 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 100, 103 của Luật các tổ chức tín dụng.

#### **Tuyên xử:**

##### **1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S.**

Buộc bị đơn ông Nguyễn Tấn H, bà Đỗ Thị N (chết) và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Đỗ Thị N là những người thừa kế theo pháp luật thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Đỗ Thị N gồm ông Nguyễn Tấn H, ông Đỗ Ngọc Á, bà Võ Thị H1, chị Nguyễn Thị D1, chị Nguyễn Thị H2 có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP S. Tính đến ngày 21/02/2025 tổng cộng là 130.738.721 đồng (một trăm ba mươi triệu bảy trăm ba mươi tám ngàn bảy trăm hai mươi một đồng. (Trong đó: Nợ gốc là 116.680.000 đồng, lãi 14.058.721 đồng). Kể từ ngày 22/02/2025 còn phải tiếp tục trả lãi trên nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 202025876780 ngày 24/11/2020 và Giấy nhận nợ số 01-LD 2032900429 ngày 24/11/2020 cho đến khi trả hết nợ.

Những người thừa kế theo pháp luật thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Đỗ Thị N gồm ông Nguyễn Tấn H, ông Đỗ Ngọc Á, bà Võ Thị H1, chị Nguyễn Thị D1, chị Nguyễn Thị H2 có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP S trong phạm vi di sản do bà Đỗ Thị N chết để lại.

Trường hợp bị đơn ông Nguyễn Tấn H, bà Đỗ Thị N (chết). Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Đỗ Thị N là những người thừa kế theo pháp luật thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bị đơn bà Đỗ Thị N không trả hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP S được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 917, tờ bản đồ số 19, địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 381439, số vào sổ cấp GCN: CS 00105 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh P cấp ngày 05/5/2020 cho bà Nguyễn Thị T1 tặng cho ông Nguyễn Tấn H và bà Đỗ Thị N. Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Theo hồ sơ số 021452.TA.001. Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện P xác nhận ngày 19/5/2020. Tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 142/TC-20 ngày 09/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S chi nhánh P- Phòng giao dịch T và bị đơn ông Nguyễn Tấn H, bà Đỗ Thị N để thu hồi nợ.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Tấn H phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tính đến ngày 21/02/2025 là 132.824.600 đồng (một trăm ba mươi hai triệu tám trăm hai mươi bốn ngàn sáu trăm đồng). Trong đó: Nợ gốc là 75.896.457 đồng, nợ lãi là 56.928.143 đồng) theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 2675701, tài khoản thẻ 3829730831 ngày 17/4/2023.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/02/2025) cho đến khi thi hành án xong, bị đơn ông Nguyễn Tấn H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng kiêm cá nhân số Hợp đồng 2675701 ngày 17/4/2023 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S và ông Nguyễn Tấn H.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Căn cứ Điều 157 của Bộ luật tố tụng Dân sự, bị đơn ông Nguyễn Tấn H chịu 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) và hoàn lại cho Ngân hàng TMCP S.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Đỗ Ngọc Á, bà Võ Thị H1 miễn án phí DS-ST theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Tấn H phải chịu án phí với số tiền là 10.563.000 đồng (mười triệu năm trăm sáu mươi ba ngàn đồng).

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S số tiền 6.950.000 đồng (sáu triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002917 ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hoà;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**



